

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HS-ST
Ngày 15/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thỏa;

Bà Nguyễn Thị Hiên.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạng là Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Ma Phúc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C; sinh ngày 16 tháng 9 năm 1983 tại xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết); vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; con: Có hai con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt, tạm giam ngày 03/8/2018 hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Trương Văn D; sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn Bản R, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt

- Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28 tháng 7 năm 2018, Nguyễn Văn C, sinh năm 1983, trú tại thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang đi từ nhà đến chợ trung tâm xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang để mua gia cầm, khi đến chợ trung tâm xã N thì gặp 01 người đàn ông (*C không nhớ tên, tuổi, địa chỉ*). C có mua của người đàn ông đó 01 gói nhỏ ma túy (*Heroin*) số tiền là 700.000 đồng (*bảy trăm nghìn đồng*) rồi mang về cất giấu ở nhà. C có trích ra sử dụng hai lần từ gói ma túy đã mua được. Đến ngày 03 tháng 8 năm 2018, C bán số ma túy còn lại cho Trương Văn D, sinh năm 1989, trú tại thôn Bản R, xã N, huyện Y và Nguyễn Văn T, sinh năm 1987, trú tại thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang cụ thể như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 03 tháng 8 năm 2018, Trương Văn D gọi điện thoại cho Nguyễn Văn C, hỏi C: “*có ma túy bán không*”. C trả lời là “*có*” và hỏi D là mua bao nhiêu tiền, D đặt mua ma túy của C với số tiền là 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*), C đồng ý bán ma túy cho D. Sau đó, D đi sang nhà của Nguyễn Văn T rủ T đi ra nhà của Nguyễn Văn C để mua ma túy. Được khoảng 30 phút sau khi nói chuyện qua điện thoại không thấy D đi ra mua ma túy, C gọi điện thoại lại cho D hỏi D “*có ra không*” (*y hỏi là có ra mua ma túy không*). D nói với C đang trên đường ra đến thôn Bản A, xã N, huyện Y, C tắt điện thoại. Đến khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, D với T đi đến đường rẽ lên nhà C thì gọi điện thoại cho C nói là đã đến đường rẽ bên dưới nhà, C tắt điện thoại và cầm gói ma túy đã để sẵn ở trong nhà đi bộ xuống chỗ vị trí mà D và T đang đứng đợi. Đến nơi C dùng tay phải cầm sẵn gói ma túy đưa cho D, D dùng tay phải nhận gói ma túy, đồng thời dùng tay trái đưa cho C số tiền là 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) đã thỏa thuận từ trước đó. C cầm lấy tiền rồi quay lại đi bộ về nhà, D và T quay đầu xe, điều khiển xe đi đến bụi tre gần đó, trích ra một nửa *Heroin* vừa mua được cùng nhau sử dụng ma túy (*hình thức sử dụng: cho ma túy vào giấy bạc, dùng bật lửa hơ rồi hít*). Phần ma túy còn lại D cất giấu vào túi quần ở đùi bên phải, khi sử dụng xong D điều khiển xe máy chở T đi về xã N, huyện Y. Đến 09 giờ 20 phút cùng ngày, D và T bị tổ tuần tra kiểm soát Công an huyện Y phát hiện bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Qua kiểm tra phát hiện thu giữ được trong túi quần ở đùi bên phải của Trương Văn D 01 gói nhỏ bằng giấy, bên trong có chất bột màu trắng nghi là *Heroin*, qua cân tịnh số chất bột màu trắng trên có khối lượng là 0,01 gram (*được ký hiệu M1*). Quá trình điều tra đã chứng minh làm rõ Trương Văn D và Nguyễn Văn T cùng khai nhận số ma túy bị bắt của tang là do D và T mua của Nguyễn Văn C, sinh năm 1983, trú tại thôn N, xã M, huyện Y.

Tại bản kết luận giám định số 276/KL-PC54 ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: “*Mẫu vật gửi giám định có ký hiệu M1 là chất ma túy, loại ma túy Heroin, có khối lượng là: 0,01 gam (không*

phẩy không một gam). Heroin nằm trong danh mục I, STT: 9, Nghị định 73/2018/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ ”.Toàn bộ mẫu vật đã được xử lý trong quá trình giám định.

Quá trình điều tra đã xác định Nguyễn Văn C là người nghiện ma túy; trước cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Văn C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số: 15/CT-VKS-YM ngày 26/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội danh, điều luật như nội D bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 24 đến 30 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Xác định bị cáo C là người nghiện ma túy, không có tài sản và nghề nghiệp ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu xung công quỹ Nhà nước đối với toàn bộ vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thấy hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình là sai trái chỉ vì mong muốn có tiền nên bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật mua bán trái phép chất ma túy để kiếm tiền chênh lệch mua ma túy sử dụng ma túy cho bản thân, bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, đồng thời bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị T đều xác nhận số tiền 500.000^d bà giao nộp cho Cơ quan điều tra ngày 07/8/2018 là tiền của bị cáo C cất dấu ở đệm trên giường trong phòng khách của gia đình, không phải tiền của bà nên bà Thuần không có ý kiến hay đề nghị gì đối với số tiền trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay người làm chứng Nguyễn Văn T xác nhận ngày 03/8/2018 T đã cùng với Trương Văn D đến gặp bị cáo C để mua ma túy về tàng trữ để sử dụng thì bị phát hiện thu giữ. Ngày 04/10/2018 Công an huyện Y đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 1.000.000^d một người đối với tôi và Trương Văn D về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, chúng tôi đã nộp phạt xong số tiền trên ngày 10/10/2018.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bản thân bị cáo rất ăn năn, hối hận, bị cáo biết mình đã sai và mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, người làm chứng, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các lời khai và lời nhận tội của bị cáo trước tòa phù hợp với các lời khai của chính bị cáo tại cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra còn phù hợp với biên bản xác định hiện trường, Kết luận giám định cùng với toàn bộ chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn C thừa nhận đã thực hiện hành vi như sau: Khoảng 09 giờ, ngày 03 tháng 8 năm 2018, Nguyễn Văn C đã có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Trương Văn D và Nguyễn Văn T, tại thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Sau đó Trương Văn D và Nguyễn Văn T trích lấy một phần ma túy để sử dụng, còn lại 0,01 gram D cất giấu trong túi quần ở đùi bên phải của mình thì bị phát hiện và thu giữ. Hành vi bị cáo Nguyễn Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo về tội danh, điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y là có căn cứ, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội mua bán trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[2] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo đã xâm phạm những quy định của Nhà nước về chế độ quản lý các chất ma túy, bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết xã hội nhất định nên có thể nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy với bất kỳ mục đích nào đều bị pháp luật xử lý, mặt khác nhà nước ta đang ra sức tuyên truyền về tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và hệ lụy khôn lường của nó, nhưng vì muốn có tiền, ma túy để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện của bản thân, nên bị cáo đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy đối với Trương Văn D và Nguyễn Văn T để hưởng tiền chênh lệch. Hành vi mua

bán trái phép chất ma túy của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, cần phải nghiêm trị, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo phạm tội lần đầu; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; ngoài ra bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; phạm tội lần đầu, người phạm tội là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo C là người nghiện ma túy, không có tài sản và nghề nghiệp ổn định, hiện chưa xác định được bị cáo có nguồn thu nhập gì từ việc mua bán trái phép chất ma túy nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về vật chứng:

+ Đối với số vật chứng là 0.01g ma túy thu giữ của Trương Văn D và Nguyễn Văn T quá trình cơ quan điều tra gửi giám định, cơ quan giám định đã sử dụng mẫu giám định hết số ma túy trên do vậy HĐXX không đề cập xem xét.

+ Đối với vật là 01 chiếc điện thoại di động, màu sơn đen - bạc - xanh, mặt trước có ghi chữ Q.Smart, bên trong điện thoại có gắn 01 thẻ sim số seri 8984.0480.0001.6048.503 nhãn hiệu 4G Viettel (*điện thoại đã qua sử dụng bề mặt ngoài có nhiều vết trầy xước, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong*). Xét thấy vật chứng này là của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

+ Đối với vật là số tiền 500.000^d (*năm trăm nghìn đồng*), trong đó có: 03 tờ tiền Polymer mệnh giá 100.000^d (*một trăm nghìn đồng*) có các số seri là: LS16818364; GL10454884; JO13254693 và 04 tờ tiền polymer mệnh giá 50.000^d (*năm mươi nghìn đồng*) có các số seri là: ST14595741; SA14722137; ZQ09634586; ZF17890030, (*đã qua giám định*). Số tiền này là do bị cáo bán ma túy mà có cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Trong vụ án này còn có 02 đối tượng có tên là Trương Văn D và Nguyễn Văn T đều là người nghiện ma túy, đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, mục đích của các đối tượng này là tàng trữ để phục vụ nhu cầu sử dụng của bản thân, hành vi của D và T cần phải được xử lý nghiêm. Ngày 04/10/2018 Công an huyện Y đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành

chính theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính Phủ đối với Trương Văn D và Nguyễn Văn T là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết; Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo C quá trình điều tra không xác định được họ tên địa chỉ cụ thể nên tiếp tục điều tra xử lý khi được chứng minh làm rõ theo quy định của pháp luật.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đều được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 03/8/2018.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với số vật chứng gồm:

+ 01 chiếc điện thoại di động, màu sơn đen - bạc - xanh, mặt trước có ghi chữ Q.Smart, bên trong điện thoại có gắn 01 thẻ sim số seri 8984.0480.0001.6048.503 nhãn hiệu 4G Viettel (*điện thoại đã qua sử dụng bề mặt ngoài có nhiều vết trầy xước, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong*).

+ Số tiền 500.000^d (*năm trăm nghìn đồng*), trong đó có: 03 tờ tiền Polymer mệnh giá 100.000^d (*một trăm nghìn đồng*) có các số seri là: LS16818364; GL10454884; JO13254693 và 04 tờ tiền polymer mệnh giá 50.000^d (*năm mươi nghìn đồng*) có các số seri là: ST14595741; SA14722137; ZQ09634586; ZF17890030, (*đã qua giám định*).

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Hà Giang;
- VKS tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Trại giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Phòng PC 81, PV 06 CA tỉnh Hà Giang;
- VKS huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Cơ quan THA huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo;
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu hsva, hstha, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đoàn Ngọc Vĩnh